

Số: **139**/QĐ-BNN-KH

Hà Nội, ngày **23** tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT
thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/01/2014 của Chính phủ**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ NN&PTNT;
- Đảng ủy Bộ NN&PTNT;
- Công đoàn Ngành NN&PTNT;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu VT, KH.



Cao Đức Phát

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
SỐ 01/NQ-CP NGÀY 02/01/2014 CỦA CHÍNH PHỦ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 139/QĐ-BNN-KH
Ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

Ngày 02 tháng 01 năm 2014, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014. Để thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Chương trình hành động nhằm cụ thể hóa và tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết với các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ

Năm 2014, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Kinh tế trong nước có nhiều chuyển biến tích cực, đúng hướng nhưng sẽ vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Trong nông nghiệp, cân đối ngân sách nhà nước cho Bộ và ngành thấp hơn nhiều so với nhu cầu; sự biến đổi khí hậu, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi ngày càng phức tạp và tiềm ẩn nguy cơ khó lường; thị trường nông sản thế giới được dự báo sẽ có nhiều biến động, xuất khẩu nông sản sang các thị trường lớn và truyền thống (châu Âu, Mỹ) tiếp tục gặp nhiều khó khăn do các nền kinh tế này tăng trưởng chậm, môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt... Những yếu tố trên sẽ tác động mạnh đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành, đòi hỏi toàn ngành phải nỗ lực phấn đấu, tập trung nguồn lực, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết 01/NQ-CP và hoàn thành thắng lợi mục tiêu kế hoạch đề ra.

Mục tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 2014 là: ***Thực hiện tái cơ cấu để phục hồi đà tăng trưởng, từng bước xây dựng nền nông nghiệp giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới góp phần đẩy nhanh phát triển nền kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống nhân dân.***

Các chỉ tiêu chính:

- Tốc độ tăng GDP toàn ngành đạt 2,6-3,0%.
- Tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 3,1-3,5%.
- Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 28,5 tỷ USD.
- Sản lượng lúa đạt 43,4 triệu tấn.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 41,5%.
- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 84%.
- Số xã đạt tiêu chí nông thôn mới 500 xã.

II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP CHÍNH

1. Triển khai mạnh tái cơ cấu, thúc đẩy sản xuất đảm bảo nhu cầu tiêu dùng trong nước và tăng cường xuất khẩu

1.1. Về các nội dung và giải pháp tổng thể

Trong năm 2014, Bộ và các địa phương phải tập trung chỉ đạo thực hiện các nội dung và giải pháp chính sau:

(1) *Rà soát, xây dựng, sửa đổi bổ sung quy hoạch sản xuất nông nghiệp*, kiên quyết chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản phẩm trên từng địa bàn, từng địa phương, vùng, cả nước để vừa phát huy lợi thế của địa phương vừa quản lý sản xuất theo quy hoạch, theo chuỗi giá trị và phù hợp với cung, cầu thị trường.

Căn cứ vào các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm đã được phê duyệt, các địa phương rà soát và đánh giá tình hình thực hiện, báo cáo kiến nghị điều chỉnh để phù hợp thực tế hơn, đặc biệt chú trọng đối với quy hoạch phát triển các cây công nghiệp như cao su ở duyên hải miền Trung, miền núi phía Bắc; quy hoạch cà phê ở Tây nguyên.

(2) *Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ*, ưu tiên cao nhất cho nghiên cứu, chuyển giao và sản xuất các loại giống chất lượng cao, công nghệ chế biến, bảo quản giảm tổn thất sau thu hoạch, phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Phát triển khoa học công nghệ là khâu “đột phá” để thực hiện tái cơ cấu ngành.

Tập trung nghiên cứu, xây dựng bộ giống quốc gia về cây trồng, vật nuôi để có thể sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, được lựa chọn xây dựng thương hiệu quốc gia.

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, đa dạng hóa các tổ chức nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ nghiên cứu và chuyển giao khoa học, công nghệ.

Đẩy mạnh thực hiện Chương trình công nghệ sinh học, Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, Chương trình phát triển nông nghiệp công nghệ cao, Chương trình sản phẩm quốc gia...

(3) *Tổ chức lại sản xuất* thông qua việc tổng kết kinh nghiệm và phát triển, nhân rộng các mô hình sản xuất, quản lý có hiệu quả trong thực tiễn, nhất là mô hình cánh đồng lớn; đẩy mạnh quá trình liên kết giữa nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp và nông dân, trước hết tập trung ở những vùng đã phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn; khuyến khích hợp tác, liên kết sản từ sản xuất, bảo quản, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả và bảo đảm hài hòa lợi ích theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Tiếp tục sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước, chỉ đạo thực hiện Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản liên quan, thực hiện lộ trình thoái vốn nhà nước. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành công khai, minh bạch tình hình tài chính của doanh nghiệp, kịp thời phát hiện ngăn ngừa vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính. Các doanh nghiệp khẩn trương cơ cấu lại vốn đầu tư theo hướng tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính, thế mạnh và có hiệu quả cao; đồng thời rà soát, điều chỉnh Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp theo hướng phát huy vai trò doanh nghiệp trong chuỗi giá trị sản xuất của từng sản phẩm, ngành hàng.

Khẩn trương trình phê duyệt kế hoạch, chương trình hành động, đề án triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển các công ty nông, lâm nghiệp. Tập trung hoàn thiện đề trình sửa đổi Nghị định số 170/2004/NĐ-CP ngày 22/9/2004, số 200/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh. Đẩy nhanh việc rà soát hiện trạng sử dụng quỹ đất rừng, thu hồi diện tích sử dụng sai mục đích, kém hiệu quả, vượt khả năng quản lý của các công ty lâm nghiệp giao lại cho chính quyền địa phương để cho các tổ chức, cá nhân thuê sử dụng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Tập trung chỉ đạo chuyển đổi HTX nông nghiệp hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012; đào tạo cán bộ quản lý nông nghiệp cho HTX; hỗ trợ xây dựng mô hình HTX mẫu (2-3 HTX/tỉnh) để nhân ra diện rộng.

Tiếp tục nghiên cứu cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho kinh tế trang trại phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa.

(4) *Đẩy mạnh đào tạo nghề cho nông dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành*

Nâng cao chất lượng, hiệu quả Chương trình đào tạo nghề cho nông dân theo quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tổng kết và đánh giá các chính sách, hình thức đào tạo hiện nay để điều chỉnh hoặc kiến nghị điều chỉnh cho phù hợp. Phần đầu nâng tỷ lệ lao động nông thôn được đào tạo nghề lên khoảng 23-24%. Trong năm 2014 đào tạo nghề nông cho 220.000 lao động nông nghiệp.

Tiếp tục thực hiện Chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ngành nông nghiệp và PTNT đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt tại Quyết định số 2340/QĐ-BNN-TCCB, số 2341/QĐ-BNN-TCCB ngày 10/10/2013; kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thực hiện Đề án tái cơ cấu tại Quyết định số 2585/QĐ-BNN-TCCB ngày 31/10/2013; lựa chọn các cán bộ trẻ học giỏi, có tâm huyết gửi đi đào tạo chuyên ngành ở các nước chuẩn bị cho lực lượng cán bộ khoa học, kỹ thuật, quản lý có trình độ cao của ngành trong tương lai; rà soát biên chế và năng lực cán bộ để bố trí, sắp xếp lại nhằm tinh giảm bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý ngành.

(5) *Thực hiện tái cơ cấu đầu tư để tập trung vốn đầu tư công cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách.*

Thực hiện nghiêm Chi thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 và Chi thị 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành về tăng cường quản lý đầu tư công, kiên quyết khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải và nợ đọng xây dựng cơ bản; rà soát, cắt giảm và sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện các dự án đầu tư; ưu tiên vốn đầu tư từ NSNN và TPCP cho các công trình trọng điểm, cấp bách, vốn đối ứng cho các dự án ODA, vốn giải phóng mặt bằng, xây dựng nông thôn mới, chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC) cần đẩy nhanh tiến độ hoàn thành sớm đưa vào sử dụng. Vốn đầu tư từ NSNN dành ưu tiên cho các lĩnh vực mà khả năng thu hồi vốn không cao hoặc không thể huy động đầu tư tư nhân.

Hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp; phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia giữa nhà nước và tư nhân (đối tác công tư, hợp tác công tư,...) để huy động nguồn lực xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công; hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

Đẩy mạnh triển khai kế hoạch hợp tác quốc tế nhằm tăng cường hợp tác, thu hút các nguồn vốn đầu tư và hỗ trợ kỹ thuật từ bên ngoài để phục vụ cho mục tiêu tái cơ cấu phát triển nông nghiệp, nông thôn.

1.2. Tái cơ cấu trên các lĩnh vực cụ thể

(1) *Trồng trọt*: Thực hiện tái cơ cấu ngành trồng trọt theo hướng phát triển sản xuất quy mô lớn, tập trung, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị trên cơ sở thay đổi căn bản từ khâu giống, sử dụng giống chất lượng cao, đẩy mạnh các biện pháp thâm canh, thực hành sản xuất tốt, ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích.

Hoàn thiện cơ chế chính sách để giữ và sử dụng hiệu quả đất lúa; các địa phương nghiên cứu chặt chẽ điều kiện thời tiết, mùa vụ và hiệu quả sản xuất một cách thận trọng, có căn cứ khoa học, thực tiễn để chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa; đẩy mạnh ứng dụng quy trình thâm canh “3 giảm, 3 tăng”, “1 phải, 5 giảm” trong sản xuất lúa.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ sản xuất trong đó tập trung thực hiện Đề án phát triển giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản theo Quyết định số 2194/QĐ-TTg; Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 9/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013; chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ, chính sách khuyến nông.

Định hướng cơ cấu diện tích, sản lượng các loại cây trồng chính như sau:

- *Đối với cây lương thực*: Dự kiến giảm khoảng 130 ngàn ha diện tích gieo trồng lúa để chuyển sang trồng một số cây hàng năm khác. Giữ tổng diện tích gieo trồng lúa cả năm đạt 7,6 triệu ha, sản lượng đạt 43,4 triệu tấn. Mở rộng liên kết xây dựng cánh đồng mẫu lớn từ 200-250 ngàn ha, sử dụng giống chất lượng cao, tập trung thực hiện ở vùng ĐBSCL, ĐBSH. Mở rộng diện tích ngô lên 1,23 triệu ha, tăng 73 ngàn ha so với năm 2013. Tiếp tục đưa các giống ngô mới có năng suất cao, một số giống ngô chuyên gen vào sản xuất, kết hợp thâm canh nhằm đạt sản lượng 5,66 triệu tấn. Duy trì diện tích sắn khoảng 550 ngàn ha, sản lượng khoảng 10 triệu tấn, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu công nghiệp, chế biến thức ăn chăn nuôi và xuất khẩu.

- *Phát triển các cây công nghiệp*: (i) Cây cà phê: Không mở rộng diện tích cà phê ở những vùng ngoài quy hoạch, vùng thiếu nước tưới, tăng cường thâm canh diện tích hiện có, trồng tái canh diện tích cà phê già cỗi, năng suất thấp để sản lượng đạt 1,38 triệu tấn; (ii) Cây cao su: Rà soát lại quy hoạch, xác định những khu vực phù hợp để đề nghị Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh lại quy hoạch. Tập trung chăm sóc, thâm canh để đạt sản lượng mủ 981 ngàn tấn. Tiếp tục lựa chọn giống thích hợp, hoàn thiện quy trình trồng, chăm sóc cao su cho các tỉnh miền Trung, miền núi phía Bắc; (iii) Cây chè: duy trì diện tích khoảng

130 ngàn ha, sản lượng búp tươi đạt 1,02 triệu tấn; tiến hành trồng thay thế chè già cỗi bằng các giống mới có năng suất, chất lượng cao; áp dụng quy trình VietGap, thực hiện xác nhận sản phẩm chè an toàn cung cấp cho thị trường; (iv) Cây điều: thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế của cây điều để giữ vững quy mô diện tích. Những nơi có diện tích điều già cỗi, hoặc năng suất thấp cần trồng thay thế bằng các giống có năng suất, chất lượng cao hơn; mở rộng mô hình trồng điều xen canh có hiệu quả cao.

- *Các cây công nghiệp hàng năm*: Ôn định 295 ngàn ha mía, thâm canh với bộ giống có năng suất và trữ đường cao, sản lượng đạt 19,2 triệu tấn mía cây. Tăng diện tích lạc lên 240 ngàn ha, để đạt sản lượng 564 ngàn tấn. Tiếp tục khuyến khích mở rộng diện tích đậu tương lên 140 ngàn ha, sản lượng 224 ngàn tấn.

- *Phát triển rau, hoa và cây ăn quả*: Dự kiến diện tích rau, đậu các loại đạt khoảng 1,03 triệu ha; sản lượng rau khoảng 15,1 triệu tấn, tăng 2% so với năm 2013; sản lượng đậu hạt khoảng 194,3 ngàn tấn, tăng 19,6% so với năm 2013. Diện tích cây ăn quả các loại khoảng 786 ngàn ha.

Phát triển rau, hoa công nghệ cao ở các vùng có lợi thế như Lâm Đồng, TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Lào Cai, Sơn La...

(2) *Ngành chăn nuôi*: Thực hiện tái cấu trúc ngành theo hướng phát triển chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, gia trại, duy trì chăn nuôi nông hộ nhưng theo hình thức công nghiệp và ứng dụng công nghệ cao; khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, liên kết theo chuỗi giá trị để giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng; hình thành các vùng chăn nuôi xa thành phố, khu dân cư; chuyên dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng gia cầm, lợn, duy trì quy mô đàn gia súc lớn và phát triển các loại vật nuôi đặc sản; cải tạo đàn giống vật nuôi theo hướng nhập khẩu và chọn tạo đàn giống gia súc, gia cầm thích hợp cho mỗi vùng sinh thái; thực hiện chính sách đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm giống gốc...

Tăng cường quản lý, kiểm soát việc giết mổ, vận chuyển đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; giám sát và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả, bố trí đủ nguồn lực để chủ động phòng chống dịch bệnh cho vật nuôi; quy định chặt chẽ việc quản lý và sử dụng thuốc thú y; áp dụng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo chuỗi giá trị; thực hiện tốt Đề án tăng cường năng lực quản lý nhà nước ngành thú y giai đoạn 2011-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 22/3/2012.

Nghiên cứu và đưa vào áp dụng các giải pháp tăng cường hiệu quả sử dụng thức ăn chăn nuôi, giảm chi phí sản xuất, bảo vệ môi trường;

(3) *Ngành thủy sản*: Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án tái cơ cấu ngành thủy sản đã được phê duyệt tại Quyết định số 2760/QĐ-BNN-TCTS

ngày 22/11/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Trong nuôi trồng thủy sản, tập trung vào khâu quy hoạch, đối tượng nuôi, thị trường tiêu thụ, cơ sở hạ tầng...

Rà soát, xây dựng chương trình hành động thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển trong ngành nông nghiệp và PTNT. Triển khai Đề án tổ chức lại sản xuất trong khai thác hải sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Khuyến khích hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa, thành lập tổ đội sản xuất trên biển... Hiện đại hóa tàu cá theo Quyết định số 1787/QĐ-TTg ngày 29/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục hỗ trợ đầu tư thí điểm đóng tàu vỏ sắt công suất lớn khai thác hải sản xa bờ kết hợp bảo vệ chủ quyền biển đảo. Kiểm tra việc đăng ký, đăng kiểm tàu và tình hình thực hiện các quy định về khai thác trên vùng biển chủ quyền; phổ biến cho ngư dân về pháp luật liên quan đến hoạt động khai thác hải sản trên các vùng biển. Duy trì hệ thống thông tin quản lý hoạt động nghề cá trên biển. Tiếp tục chỉ đạo triển khai Chương trình Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 13/02/2012 nhằm phát triển ngành thủy sản bền vững, khuyến khích phát triển mô hình đồng quản lý nguồn lợi ven bờ. Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần cho khai thác thủy sản. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kiện toàn bộ máy lực lượng Kiểm ngư và các Chi cục kiểm ngư Vùng.

(4) *Ngành lâm nghiệp*: Tổ chức triển khai Đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt tại Quyết định số 1565/QĐ-BNN-TCLN ngày 8/7/2013. Tiếp tục chỉ đạo triển khai các nội dung của Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng. Thực hiện quản lý, sử dụng bền vững diện tích rừng tự nhiên, từng bước thay thế các diện tích kém hiệu quả bằng rừng trồng có năng suất cao; tăng tỷ lệ rừng kinh tế trong tổng diện tích rừng, nâng cao hiệu quả kinh tế của rừng trồng theo hướng phát triển lâm nghiệp đa chức năng, khuyến khích phát triển mô hình kết hợp chăn nuôi, trồng cây ăn quả và lâm sản ngoài gỗ với trồng rừng và khai thác rừng bền vững; chuyển đổi cơ cấu sản phẩm từ khai thác gỗ non xuất khẩu dăm sang khai thác gỗ lớn cung cấp cho công nghiệp chế biến đồ gỗ xuất khẩu nâng cao thu nhập cho người trồng rừng; tăng cường quản lý hệ sinh thái đặc dụng, bảo vệ quỹ gen, đảm bảo đa dạng sinh học; mở rộng áp dụng chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế trong quản lý rừng.

Thực hiện các chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng; giao đất, giao rừng, khuyến lâm... tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đầu tư trồng rừng sản xuất và chế biến lâm sản, phát triển du lịch sinh thái rừng.

Tiếp tục tổ chức thực hiện dự án “Tổng điều tra, kiểm kê rừng”; nghiệm thu dự án của 13 tỉnh được triển khai trong năm 2013; thực hiện điều tra, kiểm kê rừng tại 25 tỉnh.

(5) *Diêm nghiệp*: Tập trung đầu tư cải tạo nâng cấp các đồng muối hiện có, tạo điều kiện cho diêm dân nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành muối, cải thiện thu nhập. Tiếp tục đẩy mạnh chế biến muối cung cấp cho ngành công nghiệp hóa chất; chế biến muối iốt để tiến tới toàn dân được ăn muối đã qua chế biến; đồng thời, thông qua chế biến để tiêu thụ muối thô tạo điều kiện nâng cao đời sống diêm dân.

(6) *Phát triển công nghiệp chế biến*: Tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh – để nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm; thực thi mạnh mẽ chính sách hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy hoạch công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản tại các địa phương... Hoàn thành Đề án nâng cao giá trị gia tăng hàng nông lâm thủy sản để triển khai thực hiện.

Chỉ đạo các địa phương tổ chức kiểm tra các cơ sở sản xuất, chế biến nông sản về điều kiện sản xuất đáp ứng quy định về chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm; kiên quyết xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm.

1.3. Đẩy mạnh phát triển thương mại, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm và tăng cường xuất khẩu

Tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến cung - cầu, giá cả hàng nông sản và đề xuất cơ chế chính sách tiêu thụ nông sản kịp thời, hiệu quả, bảo đảm lợi ích cho nông dân, góp phần ổn định thị trường, đặc biệt, đối với các mặt hàng chủ lực và vật tư đầu vào thiết yếu cho sản xuất.

Triển khai có hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại; xúc tiến xuất khẩu các mặt hàng nông sản vào các thị trường xuất khẩu trọng điểm. Tiếp tục nghiên cứu thị trường để mở rộng các thị trường hiện có và mở rộng thị trường mới có nhiều tiềm năng; tăng cường năng lực và nâng cao hiệu quả công tác dự báo thị trường. Chủ động nghiên cứu để có biện pháp hạn chế mặt trái khi tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và các hiệp định thương mại khác.

Thực hiện nghiêm công tác quản lý, kiểm soát chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và vật tư nông nghiệp xuất, nhập khẩu; đẩy mạnh công tác đàm phán, thỏa thuận với các nước nhập khẩu công nhận lẫn nhau về tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa; tuyên truyền nâng cao nhận về việc sử dụng các biện pháp bảo hộ chỉ dẫn địa lý, quy định nguồn gốc xuất xứ, chống gian lận thương mại, vi phạm pháp luật thương mại quốc tế.

Trong quý II năm 2014, xây dựng và công bố danh mục hàng hóa nông, lâm, thủy sản, muối, vật tư nông nghiệp xuất nhập khẩu phải kiểm tra chất

lượng, quy chuẩn kỹ thuật, an toàn thực phẩm trước khi thông quan; hướng dẫn cụ thể việc kiểm tra, xác nhận chất lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách hỗ trợ phát triển thương mại, nhất là các chính sách về hỗ trợ tín dụng, chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại.

2. Tập trung phát triển nông thôn, nâng cao thu nhập, đảm bảo an sinh xã hội cho dân cư nông thôn

2.1. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Ưu tiên nguồn lực và huy động toàn xã hội tham gia thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Tập trung hỗ trợ các địa phương còn chậm về công tác quy hoạch và xây dựng đề án, phân đầu hoàn thành công tác quy hoạch và lập đề án nông thôn mới cấp xã đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng. Các địa phương dành ngân sách cho Chương trình, đồng thời có chính sách huy động nguồn lực xã hội để đầu tư, làm chuyển biến hạ tầng cơ bản cấp xã; ưu tiên nâng cấp, cải thiện và sử dụng hiệu quả các công trình hiện có.

Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu và phát triển sản xuất để tăng nhanh thu nhập cho cư dân nông thôn; mỗi thôn, xã căn cứ lợi thế, xây dựng ít nhất một mô hình sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung; triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh ở nông thôn, nhất là các ngành sử dụng nhiều lao động, công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

2.2. Các Chương trình giảm nghèo

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình MTQG về giảm nghèo, tập trung nâng cao hiệu quả Chương trình giảm nghèo bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ; thực hiện Quyết định 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn, dân tộc miền núi giai đoạn 2014 - 2020; hướng dẫn lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất để xây dựng và nhân rộng mô hình giảm nghèo.

Các địa phương thực hiện Quyết định số 755/QĐ-TTg về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng ĐBSCL giai đoạn 2013 - 2015.

2.3. Quy hoạch và điều chỉnh dân cư

Tiếp tục thực hiện và rà soát, bổ sung các chính sách và giải pháp ổn định dân di cư tự do; ổn định đời sống, sản xuất cho người dân sau tái định cư các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình hạ tầng phát triển kinh tế-xã hội khác, tại các cụm, tuyến dân cư vượt lũ ĐBSCL, vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai, hải đảo, vùng xung yếu và rất xung yếu, vùng bảo vệ nghiêm ngặt của rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; hạn chế dân di cư tự do và ổn định cho dân di cư đã đến trên địa bàn, nhất là khu vực Tây Nguyên. Thực hiện các dự án bố trí dân cư biên giới Việt-Trung; Việt-Lào, Việt Nam-Campuchia và các dự án phát triển kinh tế-xã hội có sử dụng nhiều đất đai, phải chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo quy hoạch.

2.4. Chương trình MTQG về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Tăng cường công tác thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng nước sạch và VSMTNT; đẩy mạnh xã hội hóa, phát triển thị trường nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường nông thôn. Vận động, tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế cả về kinh nghiệm, khoa học công nghệ và vốn để thực hiện hoàn thành mục tiêu Chương trình.

Năm 2014, phần đầu đưa tỷ lệ dân nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh lên 84%, tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh lên 63%; tiếp tục ưu tiên đầu tư các công trình cấp nước sạch và VSMTNT cho xã nông thôn mới, vùng sâu, vùng xa; vùng ven biển; các vùng thường bị thiên tai hạn hán, lũ lụt; vùng nguồn nước bị ô nhiễm.

2.5. Phát triển ngành nghề nông thôn

Quy hoạch các làng nghề gắn với quy hoạch xử lý môi trường làng nghề. Trên cơ sở các mô hình điểm về xử lý môi trường ở các cơ sở công nghiệp chế biến, các làng nghề; xây dựng kế hoạch trung và dài hạn về giải quyết môi trường các cơ sở này theo từng địa phương và cả nước, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường ở các làng nghề gần khu dân cư tập trung.

Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020; triển khai các dự án hỗ trợ sản xuất, phát triển ngành nghề thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo giúp các làng nghề, hộ gia đình, hợp tác xã và doanh nghiệp xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất các sản phẩm thủ công truyền thống nhưng theo hướng hiện đại có sức cạnh tranh cao.

3. Phát triển thủy lợi, đầu tư hạ tầng, nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

3.1. Phát triển thủy lợi

Tiếp tục phát triển hệ thống thủy lợi theo hướng phục vụ đa mục tiêu,

đảm bảo nhu cầu cung cấp nước cho thâm canh cây trồng, nuôi trồng thủy sản và làm muối; nhu cầu nước cho phát triển công nghiệp, phục vụ đời sống dân cư... Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu tại Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/6/2012 của Chính phủ.

Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình đầu tư dở dang, công trình cấp bách hoặc có ý nghĩa kinh tế - xã hội, môi trường và an ninh quốc phòng, nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển, chống ngập tại các đô thị lớn, các công trình thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu sản xuất.

Thực hiện kế hoạch tu bổ đê điều thường xuyên, ưu tiên đầu tư vào những công trình trọng điểm; tạo điều kiện phát triển dân sinh, kinh tế khu vực được đê điều bảo vệ; tiếp tục triển khai các Chương trình củng cố, nâng cấp đê biển, đê sông.

Thực hiện nghiêm Chi thị số 21/CT-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý, bảo đảm an toàn hồ chứa; rà soát, có kế hoạch và bố trí vốn để nâng cấp, sửa chữa các hồ có nguy cơ mất an toàn. Phối hợp với ngành Công Thương tăng cường kiểm tra việc thực hiện quy định vận hành hợp lý hồ chứa các công trình thủy điện nhằm hạn chế tác động xấu do xả lũ và tăng khả năng giải quyết nước tưới cho sản xuất.

Đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thủy lợi, quản lý thủy nông. Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong thiết kế, xây dựng và quản lý các công trình thủy lợi.

Xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống thiên tai; xây dựng các phương án chủ động phòng, chống, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai; tăng cường năng lực để chủ động ứng phó kịp thời và có hiệu quả trước mọi tình huống.

3.2. Phát triển cơ sở hạ tầng thủy sản và nông, lâm nghiệp

Tiếp tục đầu tư các dự án hạ tầng giống thủy sản theo quy hoạch hệ thống nghiên cứu, sản xuất và cung ứng giống đến năm 2020; hạ tầng vùng nuôi thủy sản tập trung; ưu tiên bố trí vốn hoàn thành các dự án khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng, cảng cá loại 1 đang đầu tư dở dang sớm hoàn thành đưa vào sử dụng và đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cảng cá đã được quy hoạch theo Quyết định 346/QĐ-TTg ngày 15/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Tiếp tục triển khai các dự án tăng cường hạ tầng kỹ thuật nông lâm nghiệp, nhất là cơ sở hạ tầng phục vụ chọn tạo và nhân giống; nghiên cứu khoa học phục vụ tái cơ cấu ngành; cơ sở hạ tầng phục vụ kiểm soát chất lượng, VSATTP; phòng chống dịch bệnh vật nuôi, cây trồng; nâng cao năng lực hệ thống kiểm lâm, năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng.

4. Tăng cường công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, đảm bảo an toàn thực phẩm

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn thực thi Luật ATTP và Nghị định số 38/2012/NĐ-CP.

Tổ chức triển khai các chương trình giám sát ATTP nông sản, thủy sản theo kế hoạch; thực hiện Thông tư 14/2011/TT-BNNPTNT và Thông tư 01/2013/TT-BNNPTNT đối với vật tư nông nghiệp và nông lâm thủy sản, ưu tiên nhóm sản phẩm đang gây bức xúc về chất lượng, vệ sinh ATTP.

Thực hiện có hiệu quả Đề án tăng cường năng lực quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản và muối giai đoạn 2011-2015 ban hành kèm theo Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 30/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ; Dự án “Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ quản lý chất lượng nông lâm thủy sản và muối giai đoạn 2011-2015” theo Quyết định 1165/QĐ-BNN-TCCB ngày 21/5/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; xây dựng, nâng cấp một số phòng kiểm nghiệm thuộc các Trung tâm vùng đến năm 2015 là phòng kiểm nghiệm, kiểm chứng đáp ứng yêu cầu khu vực và các nước tiên tiến trên thế giới.

Chủ động đánh giá, cung cấp kịp thời thông tin ATTP cho người tiêu dùng. Tiếp tục giải quyết các rào cản kỹ thuật liên quan đến xuất khẩu nông lâm thủy sản và kiểm soát chặt chẽ hàng hóa nhập khẩu nhằm ngăn chặn hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng không đảm bảo vệ sinh ATTP vào Việt Nam.

5. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính

- *Thực hiện kế hoạch xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật:* Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Thú y, Luật Thủy lợi, Luật Thủy sản sửa đổi. Xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Phòng chống thiên tai, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, các văn bản quy phạm pháp luật đã đăng ký.

- *Kiện toàn tổ chức ngành:* KIỆN TOÀN hệ thống tổ chức của Bộ theo Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ; phối hợp với các Bộ, địa phương sắp xếp, củng cố và tăng cường năng lực cho bộ máy quản lý ngành tại các địa phương, đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất, nhanh nhạy, thông suốt, chủ động và hiệu quả hơn.

- *Tăng cường hợp tác quốc tế:* Thực hiện kế hoạch hành động về hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2011-2015; triển khai thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế đã ký; khai thác cơ hội do các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã tham gia. Tích cực vận động nguồn tài trợ quốc tế tăng nguồn lực cho ngành.

Rà soát, ban hành các chính sách phù hợp với cam kết và thông lệ quốc tế; thực hiện tốt công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường.

Thúc đẩy đàm phán, ký kết hiệp định hợp tác nghề cá trên biển với các nước trong khu vực. Phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các Bộ, cơ quan địa phương liên quan tuyên truyền quan tăng cường tuyên truyền chủ quyền biển đảo.

- *Tiếp tục cải cách hành chính, hiện đại hoá công sở*, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân.

6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; nghiêm túc thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng

Củng cố, kiện toàn bộ máy thanh tra chuyên ngành từ Trung ương đến địa phương; bổ sung biên chế, trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật và kinh phí cho thanh tra Sở và Chi cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; Thực hiện các cuộc thanh tra chủ động, thanh tra đột xuất do Thanh tra Bộ, thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT và thanh tra các Tổng cục, Cục chuyên ngành thực hiện.

Nghiêm túc thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng. Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng chống tham nhũng, lãng phí theo kết luận của Hội nghị Trung ương 5 khóa XI; chú trọng thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng; tăng cường thanh tra, kiểm tra, điều tra phát hiện tham nhũng và xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi tham nhũng.

7. Thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền, thi đua, khen thưởng.

Tiếp tục kiện toàn hệ thống thống kê ngành trên cơ sở quy trình nghiệp vụ và chế độ báo cáo thống kê ngành đã được chuẩn hóa; tập trung hoàn thành có trọng điểm các nội dung tăng cường năng lực hệ thống thống kê ngành; tăng cường năng lực công tác dự báo, phân tích để thường xuyên cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về sản xuất, thiên tai, thị trường phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và sản xuất kinh doanh.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước; tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2014. Tăng cường công khai, minh bạch và chủ động cung cấp thông tin về các vấn đề của ngành được xã hội quan tâm. Chủ động thông tin định hướng dư luận, nhất là các vấn đề nhạy cảm như chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, vật tư nông nghiệp, chương trình xây dựng nông thôn mới... Kịp thời đánh giá, tổng kết và phản ánh trung thực hoạt động của ngành; phát hiện, phê phán và ngăn chặn kịp thời những hiện tượng tiêu cực, sách nhiễu và tuyên dương những gương tốt, những việc làm hay để nhân rộng trong toàn ngành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các Tổng công ty, Giám đốc các doanh nghiệp thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, căn cứ vào Kế hoạch hành động này để xây dựng, trình duyệt kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện.

2. Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và cuối năm các đơn vị tiến hành rà soát, báo cáo Bộ (qua Vụ Kế hoạch) kết quả thực hiện trong đó nêu rõ: Việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành và nguyên nhân. Báo cáo gửi qua đường công văn và qua thư điện tử: truongson.kh@mard.gov.vn trước ngày 20 hàng tháng để tổng hợp báo cáo Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ.

3. Giao Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện của các đơn vị tại cuộc họp giao ban thường kỳ tháng của Bộ./.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)



**CÁC NHIỆM VỤ CHÍNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 01/NQ-CP NGÀY 02/01/2014 CỦA CHÍNH PHỦ**

Phụ lục 1

**PHÂN CÔNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 01/NQ-CP
NGÀY 02/01/2014 CỦA CHÍNH PHỦ**

*(Kèm theo Quyết định số 139 /QĐ-BNN-KH ngày 23 tháng 01 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Số TT	Hoạt động	Đơn vị chủ trì
1	Theo dõi, đôn đốc tình hình thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành.	Vụ Kế hoạch
2	Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực .	Các Tổng cục, Cục, Vụ Kế hoạch, các Sở Nông nghiệp và PTNT
3	Tập trung chỉ đạo sản xuất đảm bảo tiêu dùng trong nước, tăng cường xuất khẩu theo định hướng Đề án tái cơ cấu.	Các Tổng cục, Cục, các Sở Nông nghiệp và PTNT
4	Theo dõi, đôn đốc và kiểm tra tình hình thực hiện Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn TPCP; Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng XDCB từ nguồn vốn NSNN và TPCP; thực hiện tái cơ cấu đầu tư công.	Vụ Kế hoạch
5	Rà soát khung nghiên cứu KH-CN; khung Khuyến nông; xây dựng các nhiệm vụ KH-CN phục vụ trực tiếp tái cơ cấu ngành.	Vụ Khoa học, CN và MT
6	Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT; các Sở Nông nghiệp và PTNT
7	Tổ chức lại sản xuất, đẩy mạnh liên kết “4 nhà” theo chuỗi giá trị sản phẩm; thực hiện Quyết định 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT; các Sở Nông nghiệp và PTNT
8	Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 40/NQ-CP ngày 09/8/2012 của Chính phủ về Đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công lập”.	Vụ Tài chính
9	Chỉ đạo thực hiện cơ chế, chính sách kiểm soát chất lượng hàng xuất khẩu; kiểm soát chặt chẽ vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường đối với hàng hóa nhập khẩu.	Cục Quản lý chất lượng NL sản và TS

10	Xây dựng và công bố <u>danh mục hàng hóa nông, lâm, thủy sản, muối, vật tư nông nghiệp xuất nhập khẩu</u> phải kiểm tra việc bảo đảm chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật, an toàn thực phẩm trước khi thông quan và <u>hướng dẫn</u> cụ thể việc kiểm tra, xác nhận chất lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.	Cục Quản lý chất lượng NL sản và TS (tổng hợp); các Tổng cục, Cục theo dõi các lĩnh vực
11	Tăng cường và nâng cao chất lượng thông tin thống kê, dự báo đối với ngành, lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; thực hiện tốt cơ chế phối hợp, cung cấp, phổ biến thông tin trong công tác thống kê, dự báo.	Trung tâm Tin học - Thống kê
12	Hoàn thành và trình phê duyệt đề án, kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển các công ty nông, lâm nghiệp.	Vụ Quản lý doanh nghiệp
13	Tiếp tục thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ; triển khai kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp.	Vụ Tổ chức cán bộ; Trung tâm Khuyến nông QG; các Sở Nông nghiệp và PTNT
14	Ban hành Đề án thu hút đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp, nông thôn	Vụ Hợp tác quốc tế
15	Hoàn thiện cơ chế, chính sách tăng cường thu hút đầu tư theo hình thức hợp tác công tư (PPP) vào nông nghiệp, nông thôn.	Vụ Kế hoạch
16	Kiện toàn tổ chức ngành.	Vụ Tổ chức cán bộ
17	Hoàn thiện Đề án tái cơ cấu lĩnh vực thủy lợi.	Tổng cục Thủy lợi
18	Hoàn thiện Đề án tái cơ cấu lĩnh vực chăn nuôi.	Cục Chăn nuôi
19	Hoàn thiện Đề án nâng cao giá trị gia tăng hàng nông sản.	Cục Chế biến NLTS và nghề muối

Phu lục 2**CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 139/QĐ-BNN-KH ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Lãnh đạo Bộ chỉ đạo	Thời gian trình Chính phủ	Thời gian trình Quốc hội cho ý kiến	Thời gian trình Quốc hội thông qua
1	Luật Thú y	Cục Thú y	TT. Vũ Văn Tám	Tháng 6/2014	Tháng 10/2014	Tháng 5/2015*
2	Luật Thủy lợi	Tổng cục Thủy lợi	TT. Hoàng Văn Thắng	Tháng 10/2014	Tháng 5/2015	Tháng 10/2015
3	Luật Thủy sản sửa đổi	Tổng cục Thủy sản	TT. Vũ Văn Tám	Tháng 5/2015	Tháng 10/2015	Tháng 5/2016



Phụ lục 3**CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN QPPL TRÌNH CHÍNH PHỦ,
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM 2014***(Kèm theo Quyết định số 139/QĐ-BNN-KH ngày 23 tháng 01 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)***I. CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH THỨC**

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
I	Nghị định của Chính phủ (10 văn bản)			
1	Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số Điều Luật Phòng, chống thiên tai	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 2	
2	Nghị định quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 6	
3	Nghị định thay thế Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 6	
4	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/2/2010 về quản lý thức ăn chăn nuôi	Cục Chăn nuôi	Tháng 6	Đ/c từ 2013
5	Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thanh tra Bộ	Tháng 9	Đ/c từ 2013
6	Nghị định thay thế Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa	Cục Trồng trọt	Tháng 5	
7	Nghị định quy định về sản xuất và kinh doanh mía đường	Cục Chế biến TMNLTS&NM	Tháng 12	Đ/c từ CT chuẩn bị 2013
8	Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 10	
9	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 114/2013/NĐ-CP ngày 3/10/2013 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật và Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý, phát triển, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 12	
10	Nghị định về hợp tác xã nông nghiệp	Cục Kinh tế hợp tác và & PTNT	Tháng 11	
II	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (12 văn bản)			
1	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý rừng phòng hộ	Tổng Cục Lâm nghiệp	Tháng 6	



TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
2	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định phụ cấp, chế độ bồi dưỡng của kiểm ngư viên, thuyền viên tàu kiểm ngư	Tổng cục Thủy sản	Tháng 6	Đ/c từ 2013
3	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định 01/2011/QĐ-TTG ngày 04/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế sạt lở bờ sông, bờ biển	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 6	
4	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thủy lợi trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vụ Tổ chức cán Bộ	Tháng 3	Đ/c từ 2013
5	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thủy sản trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vụ Tổ chức cán Bộ	Tháng 3	Đ/c từ 2013 *
6	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Lâm nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vụ Tổ chức cán Bộ	Tháng 3	Đ/c từ 2013
7	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách phát triển kinh tế trang trại giai đoạn 2014 – 2020	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Tháng 6	Đ/c từ 2013
8	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg ngày 8/4/2010 về qui định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Tháng 6	
9	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Tháng 6	
10	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách chăn nuôi nông hộ	Cục Chăn nuôi	Tháng 5	Đ/c từ 2013
11	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển chăn nuôi bò sữa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Cục Chăn nuôi	Tháng 12	
12	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	Cục Trồng trọt	Tháng 12	

hmb

2. CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN BỊ

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
I Nghị định của Chính phủ (03 văn bản)			
1	Nghị định sửa đổi Nghị định số 02/2010/NĐ-CP của Chính phủ về Khuyến nông	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	
2	Nghị định thay thế Nghị định 200/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh	Tổng Cục Lâm Nghiệp	
3	Nghị định quy chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh giống vật nuôi	Cục Chăn nuôi	
II Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (05 văn bản)			
1	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đồng quản lý rừng	Tổng Cục Lâm nghiệp	
2	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về tổ chức lực lượng; quyền hạn, trách nhiệm; trang thiết bị; đào tạo, huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ rừng cơ sở	Tổng Cục Lâm nghiệp	
3	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế quản lý rừng ven biển	Tổng Cục Lâm nghiệp	
4	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ Quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Vụ Khoa học CN và MT	
5	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tái canh cà phê	Cục Trồng trọt	

hmb

Phụ lục 4**CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG THÔNG TƯ CỦA
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN NĂM 2014**

(Kèm theo Quyết định số 139/QĐ-BNN-KH ngày 23 tháng 01 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH THỨC (61 văn bản)

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
1	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 49/2009/TT-BNNPTNT ngày 4/8/2009 về Hướng dẫn quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vụ Hợp tác quốc tế	Tháng 10	
2	Thông tư liên tịch hướng dẫn chi tiết mật hàng bình ổn giá phù hợp với từng thời kỳ đối với mật hàng phân đạm u rê, phân NPK, thuốc bảo vệ thực vật, muối ăn, vắc xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm và thóc, gạo tẻ thường	Vụ Tài chính	Tháng 12	
3	Thông tư liên tịch của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã về nông nghiệp và phát triển nông thôn	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 3	Đ/c từ 2013
4	Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với Chi cục thuộc Cục thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 4	
5	Thông tư ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 5	Đ/c từ 2013
6	Thông tư Quy định về thực hiện chế độ thi nâng ngạch đối với công chức ngành Nông nghiệp và PTNT thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 8	
7	Thông tư ban hành các tiêu chuẩn kỹ năng nghề Quốc gia đối với các nghề thuộc nhóm nghề nông nghiệp	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 9	Đ/c từ 2013
8	Thông tư ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 10	

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
9	Thông tư Quy định về thực hiện chế độ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức ngành Nông nghiệp và PTNT thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 12	
10	Thông tư thay thế Thông tư 37/2009/TT-BNNPTNT, Thông tư 38/2009/TT-BNNPTNT và Thông tư 06/2011/TT-BNNPTNT hướng dẫn hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vụ KHCN &MT	Tháng 6	Đ/c từ 2013
11	Thông tư hướng dẫn chi tiết về việc ghi nhãn đối với thực phẩm biến đổi gen	Vụ KHCN &MT	Tháng 6	Đ/c từ 2013
12	Thông tư hướng dẫn công nhận tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	Vụ KHCN &MT	Tháng 8	Đ/c từ 2013
13	Thông tư ban hành danh mục các sản phẩm vật tư nông nghiệp	Vụ Pháp chế	Quý/ả n	
14	Thông tư quy định về quy trình khảo nghiệm, công nhận, đưa vào Danh mục vật tư nông nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam	Vụ Pháp chế	Tháng 6	
15	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2010/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn các loại thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm được hỗ trợ theo Quyết định 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ	Vụ Pháp chế	Tháng 4	
16	Thông tư hướng dẫn về giám định tư pháp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vụ Pháp chế	Tháng 10	
17	Thông tư quy định mẫu biểu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	Thanh tra Bộ	Tháng 6	Đ/c từ 2013
18	Thông tư hướng dẫn Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thanh tra Bộ	Tháng 11	Đ/c từ 2013
19	Thông tư quy định mẫu, màu sắc của trang phục, phù hiệu, biển hiệu, cấp hiệu, biểu trưng kiểm ngư; mẫu thiết kế, màu sơn tàu kiểm ngư, phương tiện chuyên dùng cho nhiệm vụ kiểm ngư	Tổng cục Thủy sản	Tháng 3	Đ/c từ 2013
20	Thông tư quy định ngạch, mã ngạch kiểm ngư viên và chuyên viên tàu kiểm ngư là công chức	Tổng cục Thủy sản	Tháng 3	Đ/c từ 2013
21	Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 38/2013/QĐ-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số	Tổng cục Thủy sản	Tháng 8	Đ/c từ CT chuẩn bị 2013

Handwritten signature

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
	chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa			
22	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2011/TT-BNNPTNT ngày 15/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc xác nhận, chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu vào thị trường Châu Âu	Tổng Cục thủy sản	Tháng 9	
23	Thông tư quy định về màu sơn, dấu hiệu nhận biết tàu, xuồng tuần tra và trang phục thuyền viên làm việc trên tàu, xuồng tuần tra của Thanh tra chuyên ngành thủy sản địa phương	Tổng Cục thủy sản	Tháng 9	
24	Thông tư đánh giá rủi ro đối với thủy sản sống nhập khẩu vào Việt Nam làm thực phẩm	Tổng cục Thủy sản	Tháng 9	
25	Thông tư liên tịch Bộ Nông nghiệp và PTNT-Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động của kiểm ngư và việc thanh toán chi phí của các cơ quan thực hiện lệnh huy động, điều động lực lượng, phương tiện của người có thẩm quyền	Tổng cục Thủy sản	Tháng 10	Đ/c từ 2013
26	Thông tư Hướng dẫn chế độ bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 3	Đ/c từ 2013
27	Thông tư liên tịch Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Kế hoạch Đầu tư hướng dẫn việc thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 5	
28	Thông tư hướng dẫn lập quy trình vận hành hồ chứa nước	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 8	
29	Thông tư hướng dẫn lập phương án phòng chống lũ, lụt cho vùng hạ du trong tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 8	
30	Thông tư hướng dẫn thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 9	
31	Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định thay thế Nghị định 72/2007/NĐ-CP ngày 05/5/2007 về quản lý an toàn đập	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 10	
32	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 65/2009/TT-BNNPTNT ngày 12/10/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn tổ chức hoạt động và phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 12	Đ/c từ CT chuẩn bị 2013
33	Thông tư thay thế Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản	Cục Quản lý chất lượng NLS&TS	Tháng 3	Theo Thông báo KL của Bộ trưởng

Handwritten signature

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
34	Thông tư thay thế Thông tư 13/2011/TT-BNNPTNT và Thông tư số 05/2013/TT-BNNPTNT về việc hướng dẫn kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu	Cục Quản lý chất lượng NLS&TS	Tháng 8	
35	Thông tư thay thế Quyết định 130/2008/QĐ-BNN ngày 31/12/2008 ban hành Quy chế kiểm soát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi	Cục Quản lý chất lượng NLS&TS	Tháng 10	
36	Thông tư thay thế Quyết định 131/2008/QĐ-BNN ngày 31/12/2008 ban hành Quy chế kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ	Cục Quản lý chất lượng NLS&TS	Tháng 12	
37	Thông tư ban hành Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 6	Hướng dẫn Luật Bảo vệ và KDTV
38	Thông tư ban hành quy trình phân tích nguy cơ dịch hại	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 9	
39	Thông tư về quản lý thuốc bảo vệ thực vật	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 9	
40	Thông tư quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh, sau nhập khẩu và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 10	
41	Thông tư quy định xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 11	
42	Thông tư liên tịch với Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng	Cục Bảo vệ thực vật	Tháng 12	
43	Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp	Cục Chế biến TMNLT&NM	Tháng 3	
44	Thông tư Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Cục Chế biến NLTS & NM	Tháng 9	

Handwritten signature

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
45	Thông tư thay thế Thông tư số 60/2011/TT-BNNPTNT ngày 09/9/2011 và Thông tư số 68/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	Cục Chế biến NLTS & NM	Tháng 9	
46	Thông tư quy định về trình tự, thủ tục kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản	Cục Thú y	Tháng 5	Đ/c từ 2013
47	Thông tư hướng dẫn các biện pháp phòng, chống bệnh cúm ở gia cầm	Cục Thú y	Tháng 8	Đ/c từ 2013
48	Thông tư quy định về trình tự, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; gửi, nhận mẫu bệnh phẩm; kiểm tra vệ sinh thú y	Cục Thú y	Tháng 9	Đ/c từ 2013
49	Thông tư quy định các bệnh phải kiểm tra định kỳ, các bệnh phải giết mổ, giết hủy bắt buộc	Cục Thú y	Tháng 11	Đ/c từ 2013
50	Thông tư quy định về thử nghiệm, khảo nghiệm và kiểm tra chất lượng thuốc thú y	Cục Thú y	Tháng 11	
51	Thông tư hướng dẫn Nghị định số 202/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý phân bón	Cục Trồng trọt	Tháng 4	
52	Thông tư quy định về công nhận cho áp dụng các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt khác và tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ khác để được hưởng chính sách hỗ trợ trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.	Cục Trồng trọt	Tháng 6	Đ/c từ 2013
53	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 79/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật	Cục Trồng trọt	Tháng 10	
54	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/9/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt	Cục Trồng trọt	Tháng 11	
55	Thông tư về môi trường trồng chăn nuôi	Cục Chăn nuôi	Tháng 6	Đ/c từ 2012
56	Thông tư thay thế Thông tư 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 hướng dẫn một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 5/2/2011 về quản lý thức ăn chăn nuôi	Cục Chăn nuôi	Tháng 2	Đ/c từ 2012
57	Thông tư quy định về quản lý giống vật nuôi (đực giống, tinh, phối, trứng giống, ấu trùng)	Cục Chăn nuôi	Tháng 11	
58	Thông tư quy định về quản lý sử dụng kháng sinh, hóa dược trong thức ăn chăn nuôi	Cục Chăn nuôi	Tháng 12	

Handwritten signature

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
59	Thông tư quy định về công tác quản lý chất lượng các công trình xây dựng do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý	Cục Quản lý xây dựng công trình	Tháng 6	
60	Thông tư quy định quản lý đầu tư xây dựng công trình đối với các dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ	Cục Quản lý xây dựng công trình	Tháng 8	
61	Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng mẫu lớn	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Tháng 6	

2. CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN BỊ (20 văn bản)

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
1	Thông tư quy định về đào tạo và cấp thẻ Kiểm ngư	Tổng cục Thủy sản	
2	Thông tư quy định quy trình tuần tra, kiểm tra, thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
3	Thông tư liên tịch Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Công an quy định về quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ, công cụ chuyên ngành của lực lượng kiểm ngư	Tổng cục Thủy sản	
4	Thông tư liên tịch Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định chế độ của kiểm ngư viên, thuyền viên tàu kiểm ngư nếu bị thương, bị hy sinh	Tổng cục Thủy sản	
5	Thông tư quy định về đăng ký diện tích, sản lượng và cấp mã số cơ sở nuôi cá tra thương phẩm	Tổng cục Thủy sản	
6	Thông tư Liên tịch giữa Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và PTNT về phương pháp tính giá thành cá tra nguyên liệu và thực hiện các quy định về thu nộp, quản lý phí thẩm định điều kiện sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cá tra	Tổng cục Thủy sản	
7	Thông tư hướng dẫn quản lý khai thác và vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn	Tổng cục Thủy lợi	
8	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 75/2004/TT-BNN ngày 20/12/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thành lập, củng cố và phát triển tổ chức hợp tác dùng nước	Tổng cục Thủy lợi	
9	Thông tư hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt quy trình vận hành công trình thủy lợi	Tổng cục Thủy lợi	

Handwritten signature

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
10	Thông tư thay thế Quyết định số 44/2006/QĐ-BNN ban hành Quy chế về quản lý và đóng búa bài cây, búa Kiểm lâm	Tổng cục Lâm nghiệp	
11	Thông tư quy định cụ thể về kiểm dịch thực vật nội địa	Cục Bảo vệ thực vật	
12	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 52/2011/TT-BNNPTNT ngày 27/7/2011 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên tôm nuôi; phòng, chống bệnh sứa trên tôm hùm	Cục Thú y	Đ/c từ 2013
13	Thông tư hướng dẫn phòng chống bệnh nhiệt thán	Cục Thú y	Đ/c từ 2013
14	Thông tư hướng dẫn phòng chống bệnh tụ huyết trùng trâu bò	Cục Thú y	Đ/c từ 2013
15	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 27/2009/TT-BNNPTNT ngày 28/5/2009 quy định về kiểm dịch nhập khẩu trâu, bò từ các nước Lào, Campuchia vào Việt Nam	Cục Thú y	Đ/c từ 2013
16	Thông tư quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong vắt sữa, thu gom sữa tươi	Cục Chăn nuôi	
17	Thông tư hướng dẫn Quản lý đàn gia cầm sinh sản trong nông hộ và điều kiện an toàn sinh học đối với cơ sở ấp trứng gia cầm hộ gia đình	Cục Chăn nuôi	
18	Thông tư quy định về điều kiện cơ sở chăn nuôi gia súc lớn đảm bảo an toàn sinh học	Cục Chăn nuôi	

Handwritten signature